

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2019

V/v bố trí vốn ngân sách địa phương
để trả nợ từ năm 2019 trở về trước và
nhu cầu vốn đối ứng để thực hiện các
Chương trình, Đề án năm 2020
thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 2469/SNN-KHTH ngày 26/11/2019 về việc đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí vốn đối ứng để trả nợ từ năm 2019 trở về trước và nhu cầu vốn đối ứng để thực hiện các Chương trình, Đề án năm 2020; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Để triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT trong năm 2020, yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí vốn đối ứng để trả nợ từ năm 2019 trở về trước và nhu cầu vốn đối ứng để thực hiện các Chương trình, Dự án, Đề án năm 2020, cụ thể như sau:

1. Thành phố Quy Nhơn:	508.834.000 đồng
2. Huyện Hoài Nhơn:	2.814.735.000 đồng
3. Huyện Hoài Ân:	1.147.586.000 đồng
4. Huyện Phù Mỹ:	4.328.381.000 đồng
5. Huyện Phù Cát:	3.467.561.000 đồng
6. Thị xã An Nhơn:	2.328.028.000 đồng
7. Huyện Tây Sơn:	2.074.152.000 đồng
8. Huyện Tuy Phước:	1.410.177.000 đồng
9. Huyện Vân Canh:	1.777.217.000 đồng
10. Huyện Vĩnh Thạnh:	1.166.913.000 đồng
11. Huyện An Lão:	1.779.011.000 đồng
Tổng cộng:	22.802.595.000 đồng

(Có phụ lục chi tiết đính kèm)

Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7, K10, K13

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

Phụ lục:**Bố trí vốn đối ứng để trả nợ từ năm 2019 trở về trước và nhu cầu vốn đối ứng để thực hiện các Chương trình, Đề án năm 2020**

(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /11/2019 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên Chương trình, dự án	Tổng số	Chia theo địa phương											Ghi chú
			Quy Nhơn	Hoài Nhơn	Hoài Ân	Phù Mỹ	Phù Cát	An Nhơn	Tây Sơn	Tuy Phước	Vân Canh	Vĩnh Thạnh	An Lão	
1	Chương trình tiêm phòng vaccine phòng chống dịch bệnh động vật	15.092,358	340,580	1.617,870	867,535	2.242,990	2.111,600	1.308,770	1.600,760	905,110	1.756,876	1.029,046	1.311,221	
1.1	Năm 2019 còn nợ	6.104,207	106,220	705,000	439,450	971,020	977,600	543,320	723,800	392,920	715,696	0,000	529,181	
	Vaccine LMLM trâu, bò	3.875,995	92,120	459,660	169,200	923,550	878,900	414,295	666,610	271,660				
	Vaccine LMLM heo	983,335	14,100	245,340	270,250	47,470	98,700	129,025	57,190	121,260				
	Vaccine Chương trình 30a	1.244,877	-	-	-	-	-	-	-	-	715,696		529,181	
1.2	Nhu cầu năm 2020	8.988,151	234,360	912,870	428,085	1.271,970	1.134,000	765,450	876,960	512,190	1.041,180	1.029,046	782,040	
	Vaccine LMLM trâu, bò	4.354,560	189,000	483,840	168,210	963,900	918,540	559,440	784,350	287,280				
	Vaccine LMLM heo	1.781,325	45,360	429,030	259,875	308,070	215,460	206,010	92,610	224,910				
	Vaccine Chương trình 30a	2.852,266	-	-	-	-	-	-	-	-	1.041,180	1.029,046	782,040	
2	Chương trình phát triển giống cây trồng	570,534	212	-	1,536	255	-	-	-	-	1,341	090	118,866	448,790
2.1	Năm 2018 còn nợ	2,877	345	-	1,536	255	-	-	-	-	1,341	090	-	-
	Hỗ trợ lúa lai đồng bào dân tộc 3 huyện và các huyện có xã miền núi	2,877,345			1,536,255						1,341,090			
2.2	Năm 2019 còn nợ	567,656	867	-	-	-	-	-	-	-	-	118,866	823	448,790
	Hỗ trợ lúa lai đồng bào dân tộc 3 huyện và các huyện có xã miền núi	567,656,867										118,866,823	448,790,044	
3	Chương trình phát triển giống bò	4.889,951	6	798,515	0	259,514	7	1.192,940	5	486,067	0	-	-	-
	Đề án phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ tỉnh Bình Định	4.889,951,6	122,2535	798,5150	259,5147	1.192,9405	703,3605	1.000,2580	327,0424	486,0670	-	-	-	
3.1	Năm 2017 còn nợ	3,878	1	-	-	-	-	-	3,878	1	-	-	-	-
3.2	Năm 2018 còn nợ	70,453	02	-	-	-	-	-	70,453	02	-	-	-	-
3.3	Năm 2019 còn nợ	2.303,935	5	393,790	0	128,984	7	589,315	5	460,113	0	97,521	3	238,437
3.4	Năm 2020	2.511,685	7	404,725	0	130,530	6	603,625	5	540,145	0	155,190	2	247,630
4	Các Đề án	2.249,750	46,000	398,350	19,000	892,450	652,600	19,000	146,350	19,000	19,000	19,000	19,000	
4.1	Năm 2020: Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang cây trồng khác có hiệu quả	2.040,750	27,000	379,350	-	873,450	633,600	-	127,350	-	-	-	-	-
4.2	Năm 2020: Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm sản và thủy sản tỉnh Bình Định, giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030	209,0	19,0	19,0	19,0	19,0	19,0	19,0	19,0	19,0	19,0	19,0	19,0	19,0
	Tổng cộng	22.802,595	508,834	2.814,735	1.147,586	4.328,381	3.467,561	2.328,028	2.074,152	1.410,177	1.777,217	1.166,913	1.779,011	

Ghi chú: Các địa phương còn nợ vốn đối ứng năm 2017, 2018, 2019: Đến ngày 25/11/2019 chưa thanh toán.